TRƯỜNG TIỂU HỌC .....

Họ và tên: .....

Lớp: 5 .....

Điểm	Lời phê của thầy cô

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I

Môn: Toán lớp 5 · Đề số 44

Năm học 2026-2027 · Thời gian làm bài: 40 phút

A. TRẮC NGHIỆM (4 điểm) *Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.*

Câu 1. *(0,5 điểm)* Làm tròn số 50,228 đến hàng phần mười ta được:

A. 50,23 **B.** 50,3 **C.** 50,4 **D.** 50,2

Câu 2. *(0,5 điểm)* Dấu thích hợp điền vào chỗ chấm: 82,71 …… 82,710

A. > **B.** < **C.** =

Câu 3. *(0,5 điểm)* Hỗn số 3 1/4 viết thành phân số là:

A. 7/4 **B.** 13/4 **C.** 13/12 **D.** 4/4

Câu 4. *(0,5 điểm)* Có 25,5 l nước mắm rót đều vào 5 can. Mỗi can có số lít nước mắm là:

A. 5,2 l **B.** 20,5 l **C.** 51 l **D.** 5,1 l

Câu 5. *(0,5 điểm)* 9,822 : 100 = ……

A. 982,2 **B.** 98,22 **C.** 0,9822 **D.** 0,09822

Câu 6. *(0,5 điểm)* 1563 m = …… km

A. 156,3 **B.** 0,1563 **C.** 15,63 **D.** 1,563

Câu 7. *(0,5 điểm)* 70 000 m² = …… ha

A. 7 **B.** 700 **C.** 0,7 **D.** 70

Câu 8. *(0,5 điểm)* Hình thang có đáy lớn 25 cm, đáy bé 4 cm, chiều cao 12 cm. Diện tích hình thang là:

A. 348 cm² **B.** 600 cm² **C.** 41 cm² **D.** 174 cm²

B. TỰ LUẬN (6 điểm)

Câu 9. *(1 điểm)* Điền dấu >, <, = vào chỗ chấm:

a) 8,79 …… 8,88

b) 8,8 …… 8,80

c) 2 tấn 50 kg …… 2,5 tấn

d) 4 ha …… 4000 m²

Câu 10. *(1 điểm)* Viết số thập phân thích hợp vào chỗ chấm:

a) Số gồm 34 đơn vị, 6 phần mười, 8 phần trăm, 6 phần nghìn viết là: ……

b) Phân số 1/8 viết dưới dạng số thập phân: ……

c) Hỗn số 6 91/100 viết dưới dạng số thập phân: ……

Câu 11. *(1 điểm)* Tìm x:

a) $x + 22{,}14 = 30{,}74$; x = …….

b) $x \times 1{,}5 = 17{,}4$; x = …….

c) $56{,}8 - x = 41{,}12$; x = …….

Câu 12. *(1 điểm)* Viết số thập phân (hoặc số) thích hợp vào chỗ chấm:

a) 6 m 2 cm = ……. m

b) 7 kg 23 g = ……. kg

c) 6 ha = ……. m^2

d) 6500 m^2 = ……. ha

Câu 13. *(1 điểm)* Viết số thích hợp vào chỗ chấm (lấy $\pi = 3{,}14$):

a) Chu vi hình tròn bán kính 7 cm: ……. cm

b) Diện tích hình tròn bán kính 7 cm: ……. cm^2

c) Chu vi hình tròn đường kính 18 dm: ……. dm

Câu 14. *(1 điểm)* Một tổ may cắt 3 chiếc áo, mỗi chiếc dùng hết 2,5 m vải. Giá mỗi mét vải là 150 000 đồng. Hỏi tổ đó đã dùng hết bao nhiêu mét vải và phải trả bao nhiêu tiền?

a) Số mét vải đã dùng: ……. m

b) Số tiền phải trả: ……. đồng

HẾT

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Đề kiểm tra cuối học kỳ I Toán lớp 5 · Đề số 44

A. Trắc nghiệm (mỗi câu đúng 0,5 điểm)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	D	C	B	D	D	D	A	D

B. Tự luận (mỗi câu 1 điểm)

Câu 9.

a) 8,79 < 8,88

b) 8,8 = 8,80

c) 2 tấn 50 kg < 2,5 tấn

d) 4 ha > 4000 m²

Câu 10.

a) 34,686

b) 1/8 = 125/1000 = 0,125

c) 6,91

Câu 11.

a) x = 30,74 − 22,14 = 8,6

b) x = 17,4 : 1,5 = 11,6

c) x = 56,8 − 41,12 = 15,68

Câu 12.

a) 6,02

b) 7,023

c) 60 000

d) 0,65

Câu 13.

a) 7 × 2 × 3,14 = 43,96

b) 7 × 7 × 3,14 = 153,86

c) 18 × 3,14 = 56,52

Câu 14.

Số vải: 2,5 × 3 = 7,5 (m)

Số tiền: 150 000 × 7,5 = 1 125 000 (đồng)